

Bản án: 46/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 20 - 5 -2024

“T/c về hôn nhân và gia đình  
– Ly hôn; nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ánh.
- Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST–HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024. Về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trịnh Thị N**, sinh năm 1981.

- Bị đơn: **Trần Đức P**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: **Khóm D, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.**

Tại phiên tòa chị **N** có mặt, anh **P** vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị **Trịnh Thị N** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P quen biết và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị N và anh P vẫn sống chung một nhà. Nhưng vợ chồng sống ly thân 05 tháng nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về quan hệ nuôi con: Có 04 con chung gồm Trần Thị H, sinh năm 2000, Trần Bảo X, sinh năm 2003 và Trần Thị D, sinh năm 2005 và Trần Đức L, sinh ngày 08/9/2007 (cháu L đang sống cùng chị N, anh P). Về người trực tiếp nuôi con chị N yêu cầu được giải quyết theo nguyện vọng của cháu Trần Đức L.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có.

2. Anh Trần Đức P vắng mặt. Căn cứ biên bản lời khai ngày 19/3/2024, anh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P không đồng ý ly hôn với chị N. Các mâu thuẫn vợ chồng chị N cho rằng anh có người phụ nữ khác là không đúng, thứ hai anh chị đã lớn tuổi và có xuôi gia và anh P thương chị N cho dù chị N ghe tuông vô cớ.

- Về quan hệ nuôi con: Có 04 con chung gồm Trần Thị H, sinh năm 2000, Trần Bảo X, sinh năm 2003 và Trần Thị D, sinh năm 2005 và Trần Đức L, sinh ngày 08/9/2007 (cháu L đang sống cùng chị N, anh P). Về người trực tiếp nuôi con anh P yêu cầu được giải quyết theo nguyện vọng của cháu Trần Đức L.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có.

*Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19 tháng 4 năm 2024.*

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thập Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Anh **P** vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N** (có bài phát biểu kèm theo).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ pháp luật:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị **N** và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết:** Anh **P** là bị đơn có nơi thường trú **thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về tố tụng:** Tại phiên tòa, anh **P** vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

#### **[4] Về nội dung:**

**[4.1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị **N**, anh **P** đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên** vào năm 1999 là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị **N** khẳng định chị không còn tình cảm với anh **P**, chị nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **P**. Nhưng thương chồng, con chị cho anh **P** nhiều cơ hội sửa sai.

Thế nhưng anh **P** vẫn không thay đổi mà có hành vi bạo lực gia đình và có người phụ nữ khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị **N** trình bày vợ chồng vẫn sống chung nhà, nhưng về tình cảm vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 05 tháng nay. Do đó, hôn nhân chị **N**, anh **P**

đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **N** là có căn cứ.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*

#### **[4.2] Về quan hệ nuôi con:**

Tại phiên tòa, chị **N** yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu **L** muốn được sinh sống cùng ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ biên bản ý kiến của cháu **L** muốn sống cùng anh **P**. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của cháu **L**.

*Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:*

1. ....

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

**[4.3] Về quan hệ tài sản:** Căn cứ đơn khởi kiện ngày 10/01/2024, chị **N** trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **P** vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2024, anh **P** trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến chị **N**, anh **P** về phần tài sản chung tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa, chị **N** yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chia tài sản chung giữa chị **N** với anh **P**.

Hội đồng xét xử xét thấy ngày 19/4/2024, Tòa án thực hiện công khai các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị **N** và anh **P**.

Ngày 02/5/2024, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/20/24/QĐST – HNGĐ về thời gian mở phiên tòa và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười thực hiện việc kiểm sát theo quy định pháp luật.

Ngày 03/5/2024, Tòa án nhận được đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 23/4/2024 của chị **N** yêu cầu giải quyết chia tài sản chung với anh **P**. Tuy nhiên, việc Tòa án công khai chứng cứ vào ngày 19/4/2024 và đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 02/5/2024. Do đó, chị **N** yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản không được xem xét trong bản án tranh chấp ly hôn và nuôi con mà chị **N** được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với anh **P** bằng vụ kiện dân sự khác tại Tòa án.

**[4.4] Về quan hệ nợ:** Chị **N**, anh **P** trình bày không có. Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[5] Về án phí:** Chị **N** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Trịnh Thị N**. Cho chị **Trịnh Thị N** và anh **Trần Đức P** ly hôn.

2. Về quan hệ nuôi con: Anh **P** tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Trần Đức L**, sinh ngày 08/9/2007 (cháu **L** đang sống cùng anh **P**, chị **N**). Chị **N** không cấp dưỡng nuôi con.

Chị **N**, anh **P** có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn chị **N** được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị **N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0005344, ngày 23/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (chị **N** đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị **N** được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **P** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Lê Duy Khánh**